



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#:

VEWL.#:

I-171: Y N

EXIT VISA.#:

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM BINH THI NGUYEN
Last Middle First

Current Address 16/20 NGUYEN CANH CHAN P.24, Q.1, HCM

Date of Birth 02/1/1930 Place of Birth HAI PHONG

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP HUSBAND
FATHER
TRAN DUY LUONG

Previous Occupation (before 1975) LT COLONEL
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6/15/75 To DEATH DATE: 6/24/84

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name _____

Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone _____

Relationship _____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

1. Basic Identification data

1. Name: TRẦN ĐỨC LƯƠNG
2. Other name: none
3. Date, place of birth: August 7, 1933, Hanoi
4. Residence address: 36/10 Nguyễn Cánh Chân P.10, Q.1
Hồ Chí Minh City, Vietnam
5. Mailing address: - id -
6. Current occupation: still under police control

B. Relatives to accompany me:

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. Nguyễn Thị BÌNH	Feb. 1, 1930	Hai Phong	Female	M.	Wife
2. Trần duy MINH	Jan. 19, 1957	Da Nang	Male	S	Son
3. Trần duy PHƯƠNG	Sept. 9, 1958	Da Nang	Male	S	Son
4. Trần duy QUANG	August 26, 1960	Hue	Male	S	Son
5. Trần duy LINH	Feb. 28, 1963	Da Nang	Female	S	Son
6. Trần Thị Kim CHÂM	Feb. 14, 1967	Da Nang	Female	S	Daughter
7. Trần Thị Kim THOA	April 22, 1968	Da Nang	Female	S	Daughter
8. Trần Thị Kim DUNG	Jan. 20, 1971	Da Nang	Female	S	Daughter

C. Relatives outside Vietnam:

none

D. Complete family listing

Father: Trần duy HƯỚNG dead

Mother: Trần thi NGA dead

Spouse: as noted in B above

Children: - id -

E. Employment by US Government agencies or other US organizations of you or your spouse:

none

F. Service with GVN or RVNAF by you or by your spouse.

1. Name of person serving: Trần duy LƯƠNG

2. Dates: From Nov. 1, 1953 to April 30, 1975

3. Last rank: Lieutenant colonel

4. Industry/office/military unit: National defense ministry,
3rd Corps, 16th Artillery Battalion.

5. Name of supervisor / co : Colonel Lê Văn THẤT (Corps Arty Cdr)

6. Reason for leaving : re-educated officer's difficulties of living

7. Name of American advisers :

a. Major TANIMOTO, advisory team by Artillery Command JGS, in 1968, when I was Chief of Staff of Arty Cd / JGS, RVNAF.

b. Major Leggs, in 1969 when I was 52nd Arty Bn Cdr, 5th Infantry division, 3rd Corp, RVNAF.

8. US training courses in VN : PRAISE in April 1968

9. US awards or certificates : Army commendation medal, signed by General Weyand in 1972, when I was chief of Plan, Study and Operations branch of Arty Cd / JGS.

G. Training outside Vietnam of you or your spouse

1. Name of student : TRẦN ĐỨC LƯƠNG

2. School and school address :

US Army Artillery and Missile School, Fort Sill, Oklahoma - USA.

Air ground operations school - Eglin air base - Florida - USA.

3. Dates : a. Jan. 1962 to June 1962

b. Sept. 1965 to May 1966

4. Description of courses :

a. Field Arty officer orientation course. Motor transportation course. 1962

b. Field Artillery officer career course . Sept. 1965

Air ground operations course April 1966

5. Who paid for training : US government

H. Re-education of you or your spouse :

1. Name of person in re-education : TRẦN ĐỨC LƯƠNG

2. Total time in re-education : 9 years & months 9 days.

3. Still in reeducation : no.

I. Any additional remarks : To complete the former data applied to your office by my son, Trần Đức PHƯƠNG, on Feb. 1984.

Signature Trần Đức Lương Date January 1, 1985

HÔN THÚ BẬC NHẤT

Số hiệu 21

Người chồng :	TRAN DUY LUONG
(Tên họ)	
Nghề nghiệp :	QUAN NHAN
Sinh tại :	HA-NOI
Sinh ngày :	7 thang 8 nam 1933
Cư trú tại :	KBC 4451
Cha chồng :	TRAN DUY PHUNG (vang mat)
(Tên họ, sống chết phải nói)	
Mã số :	55 tuoi
Nghề nghiệp :	BUON BAN
Cư trú tại :	BAC VIET
Mẹ chồng :	TRAN THI NGA (vang mat)
(Tên họ, sống chết phải nói)	
Mã số :	53 tuoi
Nghề nghiệp :	BUON BAN
Cư trú tại :	BAC VIET
Chú hôn nhân :	TRAN DUY LUONG
(Tên họ)	
Mã số :	26 tuoi
Nghề nghiệp :	QUAN NHAN
Cư trú tại :	KBC 4451
Người vợ :	NGUYEN THI BINH
(Tên họ)	
Vợ : (Chánh hay vợ thứ) CHANH	
Nghề nghiệp :	NOI-TRO
Sinh tại :	HAI-PHONG
Sinh ngày :	1 thang 2 nam 1930
Cư trú tại :	64 TRUNG NU VUONG DA-NANG
Cha vợ :	NGUYEN HUY HOAN (chet)
(Tên họ, sống chết phải nói)	
Mã số :	—
Nghề nghiệp :	—
Cư trú tại :	—

(1) Lẽ chia để mà lược hiện Án
tùa sáu giấy khai này lại hoặc đã
biên các cuộc chủ khác



Mẹ vợ :	NGUYEN THI THIEU (chet)
(Tên họ, sống chết phải nói)	
Mãy tuồi :	—
Nghề nghiệp :	—
Cư trú tại :	—
Chú hồn bên gái:	NGUYEN THI BINH
(Tên họ)	
Mãy tuồi :	29 tuoi
Nghề nghiệp :	NOI TRO
Cư trú tại :	64 TRUNG NU VUONG DA-NANG
Người làm mai:	—
(Tên họ)	
Mãy tuồi :	—
Nghề nghiệp :	—
Cư trú tại :	—
Ngày cưới :	1 tháng 8 năm 1959
Ngày khai :	3 tháng 8 năm 1959
Vợ chồng có khai nhận con từ — Sanh làm con chính thức không ?	K H O N G
Họ, Tên, tuồi, ngày sanh, nơi sanh của mỗi con từ sanh nhận là con chính thức:	
Người chứng thứ nhất:	NGUYEN THANH QUI
(Tên họ)	
Mãy tuồi :	28 tuoi
Nghề nghiệp :	QUAN NHAN
Cư trú tại :	KBC 4451
Người chứng thứ nhì:	LAM VAN TUNG
(Tên họ)	
Mãy tuồi :	22 tuoi
Nghề nghiệp :	QUAN NHAN
Cư trú tại :	KBC 4451

PHUOC TINH LUC
Da-Nang, Ngày 3-8
1959

Uy-Viêt-Ngô, Pict

Đại tá

Đại tá

Trung

NGUYEN-VAN-TAM

Lập tại PHUOC NINH, ngày 3 tháng 8 năm 1959
 Vợ chồng: Mai nhon, Cha mẹ hai bên,
 Trần Văn Lai, Ông-Đang (Vua-đi-đi)
 Nguyễn Văn Tung (Vua-đi-đi)
 Nguyễn Văn Tung (Chết)
 Nguyễn Văn Tung (Chết)

Hộ Lai.

Chủ hồn, Nhận chứng,

Nguyễn Thành Qui

Nguyễn Văn Tung

Chứng nhận chữ ký của

Ủy viên Hộ Lai Phường

ngày tháng năm 19

CHỦ TỊCH,

Ô. — Chỗ trống không dùng tới thì phải kín một nét mực.

World Relief

Galang Refugee Camp

c/o Maxwell Road P.O. Box 3430
Republic of Singapore 9054

Telex: 57117 UNHCR Tpi
attn WRC (Indonesia)
Cable: RELIEF TANJUNG PINANG
(Indonesia)
Phone: 21254 Tanjung Pinang
office only, Indonesia

Nguyen Thi Binh
36/20 Nguyen Canh Chan Quan I
Thanh Pho Ho Chi Minh
Vietnam

August 12, 1987

Dear Nguyen Thi Binh,

I have never met you or your children, but I have been the employer and close friend of your former husband, Tran Duy Luong for the last year and a half. It is with sorrow and sadness I must tell you that your former husband and the father of your children, Tran Duy Luong, died August 11, 1987 from hepatitis in the hospital at Tanjung Pinang, Indonesia. I am very sorry to have to write this letter to you.

Luong became weak and his skin started becoming yellow a couple weeks before. He said he had had problems with his liver in the past. My wife and I gave him extra food and vitamins and talked to the doctors about him. He went to the camp hospital on Wednesday August 5th but grew worse until on Saturday, August 8th he was transferred to the hospital in Tanjung Pinang. That same day he went into a coma and did not wake up again before he died. We visited him in the hospital and we were glad that he at least did not have to suffer long in pain. I brought a tape recorder with us to visit him, hoping that he might be able to wake up and might speak some words for me to send to you. He died at 3 a.m. the morning of August 11th without waking.

Luong's body was returned to Galang the same day. He was very respected and well-liked here on Galang and so many people came to me after he died asking about helping with the funeral. The South Vietnamese Former Officers Association dug a grave at the top of the hill in the camp cemetery. World Relief's own Vietnamese carpenters, his friends, built a very strong and beautiful casket. His casket was carefully prepared by friends and dressed in his best clothing. The burial ceremony was attended by several hundred people and was held during a beautiful sunset. I led a Christian burial service and scripture from the Bible was read. Prayers were given and the officers honored him and the song for the soldier, Hon fu Si was played.

After the burial the people came to the Protestant church and a memorial service for Luong was held. Some kind words of respect were spoken by Phan Thuong Ngo, Luong's co-worker at World Relief's vocational school and also a member of the church committee. Rev. Benny Lompoliuw also said some good things about Luong who had been a faithful member of the church. The church choir sang a beautiful song from Jesus Christ's words: "My Peace I Give Unto You". I gave my eulogy of Luong and the funeral sermon. It is difficult understanding God's reasons in a death but the Bible scriptures shew us God's plan. I hope you have a Bible and can read these scriptures we read together last night in the funeral sermon: I Corinthians 15:50-58, Job 19:25-27, Psalms 23, I Thessalonians 4:13-18, II Corinthians 4:15-5:9, John 14:1-6 and John 11:25-26. I know that these scriptures will bring comfort to you and help you understand what has happened to Luong. Please read these scriptures with your children. A Christian Pastor would be able to answer your questions about these scriptures and Luong's death also.

Luong worked for World Relief here for two years and quickly showed his leadership skills he gained as a Lt. Colonel before 1975. He was promoted to Refugee Assistant Director which held the greatest authority. His previous two years of training in America also helped our program. I worked closely with Luong everyday for a year and a half. He was also my good friend. A few weeks ago a visitor asked me about Luong, who had responsibility for the entire vocational school when we were gone last month, and I remember saying: "I trust and respect Luong. He has the most integrity of any person I have ever met." ...We too have shed some tears in the last couple days.

I know that your former husband spent 10 years in the reeducation camps and then more than two years here at Galang camp. Although he could have been quickly resettled in the US he chose instead to apply to go to Canada in hopes that he might be able to help the family better there. But then his departure to Canada was postponed when it was discovered he had a spot on his lung which might have been Tuberculosis. He was on the TB medicine program for eight months before he began to get sick. With the long war, twelve years of camps, the boat escape and then the diseases Luong had had a very difficult life. But Luong had accepted Jesus Christ into his life as his Savior and so in spite of the many problems he was still able to smile.

Luong was in church every Sunday morning and even apologized to me a few days ago because he had missed a service for the first time in the more than two years he had been here. He knew he was going to heaven and was not worried about death. As you tell your children about their father going to heaven I will pray that the God of all comfort be with you and your family during this time. I don't know if your relationship with your former husband was kind and friendly, but I can assure you that in the two years I knew him here he was serving God fully and trying to be a good Christian man. I know he would not have wanted anything unsettled in his relationship with you or the children before he died and so I ask you and the children to forgive Luong if there was any old problems.

We will be preparing a cement grave marker and will send a picture to you when it is completed. I am asking Phan Thuong Ngo to make a translation of this letter to enclose. Again, let me say that we are sharing the sorrow of his death with you. But we must prepare ourselves to be able to join him there in heaven. My last words to him as he was dying was not "Goodbye", I instead said "Luong, I'll see you again"

May God's peace and comfort be with you,



Rev. Joel T. Copple

I have also written to Luong's second wife, Luu Thi Tot and I am sending a copy of this letter to the cousin Tran Thi Tam in Canada and asked that she also mail a copy to you to make sure that this information arrives...

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số : 655/TTM/PB/921

CHO PHÉP MẠNG HUY-HIỆU TUYÊN-CÔNG
ĐƠN-VỊ VỚI TÍNH CÁCH VĨNH-VIỄN
---ooOoo---

ĐẠI-TÁ, Chỉ huy Trưởng Pháo-binh
Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa

Chứng nhận : TRẦN-DUY-LƯƠNG

Cấp-bậc Thiếu-Tá số-quân 53/300.217
thuộc Bộ Chỉ huy Pháo-binh/Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa,
đã góp phần trong việc lập được thành-tích ve-vang và đã đem
lại cho Bình-chung Pháo-binh vinh-dự được tuyên dương công-
trạng trước Quân-Đội và ân thưởng ANH-DŨNG BỘI-TINH với
NHÀNH DƯƠNG-LIỀU.

Chiếu Huân-Thi số 655-417, ngày 27.4.1968 và thi
hành Quyết-định số 850/TTM/TQT/QĐ/BTC ngày 31.10.1968,
của Đại-Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Quân-Lực Việt-Nam
Cộng-Hòa, được phép mang vinh-viễn HUY-HIỆU TUYÊN-
CÔNG đơn-vị màu ANH-DŨNG BỘI-TINH với NHÀNH DƯƠNG-
LIỀU.

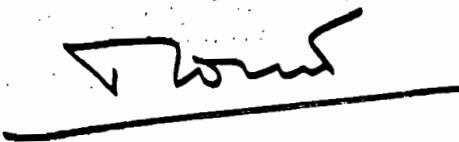
Giấy chứng nhận này được cấp cho đương-sự để chấp
dụng. -

KBC 4.892, ngày 01 tháng 01 năm 1969

NOI NHẬN :

- Dương-sự
- Hồ-sơ cá nhân
- Lưu-chiều. -

Đại-Tá PHAN-DÌNH-SƠN
Chỉ huy Trưởng Pháo-binh/QLVNCH



BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 827 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2363 ngày 27 tháng 11
năm 1972

SHSLĐ	GIẤY RA TRẠI	CHI NHÁNH AN TOÀN TP. HỒ CHÍ MINH ĐÃ THÌNH DIỄN
1	2	3
4	5	6
7	8	9
10	11	12
13	14	15
16	17	18
19	20	21
22	23	24
25	26	27
28	29	30
31	32	33
34	35	36
37	38	39
40	41	42
43	44	45
46	47	48
49	50	51
52	53	54
55	56	57
58	59	60
61	62	63
64	65	66
67	68	69
70	71	72
73	74	75
76	77	78
79	80	81
82	83	84
85	86	87
88	89	90
91	92	93
94	95	96
97	98	99
100	101	102
103	104	105
106	107	108
109	110	111
112	113	114
115	116	117
118	119	120
121	122	123
124	125	126
127	128	129
130	131	132
133	134	135
136	137	138
139	140	141
142	143	144
145	146	147
148	149	150
151	152	153
154	155	156
157	158	159
160	161	162
163	164	165
166	167	168
169	170	171
172	173	174
175	176	177
178	179	180
181	182	183
184	185	186
187	188	189
190	191	192
193	194	195
196	197	198
199	200	201
202	203	204
205	206	207
208	209	210
211	212	213
214	215	216
217	218	219
220	221	222
223	224	225
226	227	228
229	230	231
232	233	234
235	236	237
238	239	240
241	242	243
244	245	246
247	248	249
250	251	252
253	254	255
256	257	258
259	260	261
262	263	264
265	266	267
268	269	270
271	272	273
274	275	276
277	278	279
280	281	282
283	284	285
286	287	288
289	290	291
292	293	294
295	296	297
298	299	200
300	301	302
303	304	305
306	307	308
309	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312
313	314	315
316	317	318
319	310	311
312	313	314
315	316	317
318	319	310
311	312	313
314	315	316
317	318	319
310	311	312</

Saigon, ngày 8 tháng 12 năm 1989.

Kính gửi: Bà Hồi Trưởng
Hội Gia đình các tù nhân chính trị Việt Nam.
PO. Box 5435, Arlington, VA 22205-03635
U. S. A.

Kính thưa bà.

- Chồng tôi là TRẦN - DUY - LƯỢNG Sanh ngày 7-8-1933 tại Hà Nội; Trung Tá Siêu Đoàn Trưởng Siêu Đoàn 46 Pháo Binh. ~~thuộc~~ quân đoàn 3, Quân đội Việt Nam Cộng Hòa.
- Đã học tại US Army Artillery and Missile School, Fort Sill, Oklahoma - USA từ tháng 1-1962 đến tháng 6-1962.
- Học tại Air Ground Operations school - Eglin air base, Florida: từ 9-1965 đến tháng 5-1966.
- Sau ngày 30-4-1975 bị đưa đi cải tạo tập trung 9 năm 4 tháng 9 ngày và ra trại ngày 24-10-1984. (15-6-1975 → 24-10-1984)
- Tháng 6-1985 vượt biển sang Indonesia (Galang) ở đó hai năm, và mất ngày 11-8-1987.

Trong thời gian chồng tôi ở cải tạo tập trung tôi đã thăm và nuôi chồng, cầu mong sớm được về và già dinh cho anh lai tinh. Nợ chồng, cha con đã nương tựa giúp đỡ lẫn nhau. Rồi cuộc vượt biển năm 1985 của ông đã đem lại cho chúng tôi biết bao hy vọng. Nhưng chúng tôi lại bị thất vọng khi sứ ra đi Vịnh Biển của ông. Chồng chúng tôi đã chết đi để lại (1 mẹ + 7 con) biết bao nỗi đau khổ, khó khăn và mai mốt.

Được biết Bà Đặng Hồi là nguồn an ủi của những Gia đình tù nhân chính trị Việt Nam; Kính xin bà (Bà Đặng Hồi) giúp đỡ can thiệp cho gia đình chúng tôi được định cư tại Hoa Kỳ cũng như những gia đình chiến hữu của chồng tôi.

- Chúng tôi nay thành kinh bát ở Ba Na - Duy Hải.

Day Kinh.
Binh

Nguyễn Thị Bình
(Vợ các con)

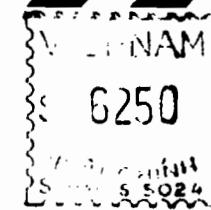
Xin kính báu:

1. Bản Sao Questionnaire.
2. Bản Sao Giấy trả lời.
3. Giấy báo tử của Giáo Sĩ Joel T. Copple tại Indonesia
4. Bản Sao Hôn thú.
5. Bản Sao Giấy chứng nhận.

Địa chỉ gia đình:

36/20 Nguyễn Cảnh Chân.
P. Cầu Kho; Quận I.
South Vietnam.

FROM: 36/20 đường Nguyễn Cảnh Chân
P. Cầu Kho Quận I



DEC 22 1989 TO: KHÚC - MINH - THO

Family of Vietnamese Political Prisoners Association

P.O. Box 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635.

U. S. A

VIA AIR MAIL PAR AVION

70103-6250

Saigon ngày 6 tháng 6 năm 1990

Kính gửi Bà Hải trưởng
Hải quâ Định các Tù nhân Chính
trại Việt Nam P.O. Box 5435,
Arlington, VA 22205-03635
U.S.A.

Kính Thưa Bà.

Chồng tôi là Trần duy Lương
sinh ngày 7-8-1933 tại xã
Trung Tự, huyện Đán Lượng, tỉnh
Đoàn 46 Pháo binh, thuộc Quân
đoàn II, quân đội VNCH.

* Đã học tại: US Army Artillery
and Missile School, Fort Sill,
Oklahoma từ tháng 1-1962 đến
tháng 6-1962.

* Học tại Air Ground Operations
school, Eglin air base, Florida từ
tháng 9-1965 đến tháng 5-1966

Sau ngày 30-4-1975 bị đưa đi
các trại tập trung 9 năm 4 tháng
9 ngày và nã súng ngày 24-10-1984

Uyết Biên Sáng Galeng (chân Dương)
năm 1985, ở độ cao 1.000 m và chót
ngày 11-8-1987.

Trong thời gian chàng trai ở các
hội tập huấn, anh đã thăm dò,
mong chàng sớm từ chức và với giao du
cho anh bay tinh oai chàng, chàng
để mường trá giũi đỡ bùn nhau.

Rồi cuộc vượt biển năm 1985
của ông đã đến lui cho qua định
chung tôi biết bao hụt hụt. Nhưng
chung tôi lại bị thất vọng vì sự
đi vĩnh viễn của ông. Chẳng lâu đã
chết từ đái buốt cho chung tôi (một
vợ con) biết bao nỗi đau khổ. Phó
về mòi mạt.

viết

Tháng

0-1984

(Bản Dương)

và chất

đo các

chóng

gai dinh

lá con

nhau.

n 1985

định

thông

Xem định kèm:

vì sao

1. Sơ Sát Questionnaire

tổn thất

1. Sơ Sát Suất na trai

su (một mèo)

1. Sơ Sát Hán Thủ

và Phô Phán

1. Sơ Sát Thủ Sát Suất của Guad

Joel T. Copple tại Indonesia.

Được biết Bà Nà quý Ông là
người anh em của những góa phụ
tại thành Phố Hồ Chí Minh
Kính Xin Bà (Và Ông Hồ) quý Ông
can thiệp cho góa phụ chúng tôi
được định cư tại Hoa Kỳ cũng như
những góa phụ chúng tôi của Ông
tại

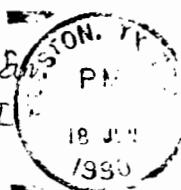
Chúng tôi rất thành kính biết ơn
Bà và Ông Hồ

day kinh.

Nguyễn Thị Bích Nữ

cá con.

nguyễn chí bình
36/20 Nguyễn Cảnh Chân
Phường Lãnh Khoa, Quận 1
HO CHI MINH CITY



JUN 17 1990

To: Bà Khuê Minh Thảo
PO Box 5485
Arlington VA 22205-0635
----- USA

World Relief

Galang Refugee Camp

c/o Maxwell Road P.O. Box 3430
Republic of Singapore 9054

Index 57117 UNHCR Tpi
attn WRC (Indonesia)
Cable: RELIEF TANJUNG PINANG
(Indonesia)
Phone: 21254 (Tanjung Pinang
office only, Indonesia)

Nguyen Thi Binh
36/20 Nguyen Canh Chan Quan 1
Thanh Pho Ho Chi Minh
Vietnam

August 12, 1987

Dear Nguyen Thi Binh,

I have never met you or your children, but I have been the employer and close friend of your former husband, Tran Duy Luong for the last year and a half. It is with sorrow and sadness I must tell you that your former husband and the father of your children, Tran Duy Luong, died August 11, 1987 from hepatitis in the hospital at Tanjung Pinang, Indonesia. I am very sorry to have to write this letter to you.

Luong became weak and his skin started becoming yellow a couple weeks before. He said he had had problems with his liver in the past. My wife and I gave him extra food and vitamins and talked to the doctors about him. He went to the camp hospital on Wednesday August 5th but grew worse until on Saturday, August 8th he was transferred to the hospital in Tanjung Pinang. That same day he went into a coma and did not wake up again before he died. We visited him in the hospital and we were glad that he at least did not have to suffer-long-in-pain--I brought a tape recorder with us to visit him, hoping that he might be able to wake up and might speak some words for me to send to you. He died at 3 a.m. the morning of August 11th without waking.

Luong's body was returned to Galang the same day. He was very respected and well-liked here on Galang and so many people came to me after he died asking about helping with the funeral. The South Vietnamese Former Officers Association dug a grave at the top of the hill in the camp cemetery. World Relief's own Vietnamese carpenters, his friends, built a very strong and beautiful casket. His casket was carefully prepared by friends and dressed in his best clothing. The burial ceremony was attended by several hundred people and was held during a beautiful sunset. I led a Christian burial service and scripture from the Bible was read. Prayers were given and the officers honored him and the song for the soldier, Hon Tu Si was played.

After the burial the people came to the Protestant church and a memorial service for Luong was held. Some kind words of respect were spoken by Phan Thuong Ngo, Luong's co-worker at World Relief's vocational school and also a member of the church committee. Rev. Benny Lompoliu also said some good things about Luong who had been a faithful member of the church. The church choir sang a beautiful song from Jesus Christ's words: "My Peace I Give Unto You". I gave my eulogy of Luong and the funeral sermon. It is difficult understanding God's reasons in a death but the Bible scriptures shew us God's plan. I hope you have a Bible and can read these scriptures we read together last night in the funeral sermon: 1 Corinthians 15:50-58, Job 19:25-27, Psalms 23, 1 Thessalonians 4:13-18, II Corinthians 4:15-5:9, John 14:1-6 and John 11:25-26. I know that these scriptures will bring comfort to you and help you understand what has happened to Luong. Please read these scriptures with your children. A Christian Pastor would be able to answer your questions about these scriptures and Luong's death also.

The emergency aid, development assistance and refugee service arm of the National Association of Evangelicals, USA.

Luong worked for World Relief here for two years and quickly showed his leadership skills he gained as a Lt. Colonel before 1975. He was promoted to Refugee Assistant Director which held the greatest authority. His previous two years of training in America also helped our program. I worked closely with Luong everyday for a year and a half. He was also my good friend. A few weeks ago a visitor asked me about Luong, who had responsibility for the entire vocational school when we were gone last month, and I remember saying: "I trust and respect Luong. He has the most integrity of any person I have ever met." ...We too have shed some tears in the last couple days.

I know that your former husband spent 10 years in the reeducation camps and then more than two years here at Cat Lang camp. Although he could have been quickly resettled in the US he chose instead to apply to go to Canada in hopes that he might be able to help the family better there. But then his departure to Canada was postponed when it was discovered he had a spot on his lung which might have been Tuberculosis. He was on the TB medicine program for eight months before he began to get sick. With the long war, twelve years of camps, the boat escape and then the diseases Luong had had a very difficult life. But Luong had accepted Jesus Christ into his life as his Savior and so in spite of the many problems he was still able to smile.

Luong was in church every Sunday morning and even apologized to me a few days ago because he had missed a service for the first time in the more than two years he had been here. He knew he was going to heaven and was not worried about death. As you tell your children about their father going to heaven I will pray that the God of all comfort be with you and your family during this time. I don't know if your relationship with your former husband was kind and friendly, but I can assure you that in the two years I knew him here he was serving God fully and trying to be a good Christian man. I know he would not have wanted anything unsettled in his relationship with you or the children before he died and so I ask you and the children to forgive Luong if there was any old problems.

We will be preparing a cement grave marker and will send a picture to you when it is completed. I am asking Phan Thuong Ngo to make a translation of this letter to enclose. Again, let me say that we are sharing the sorrow of his death with you. But we must prepare ourselves to be able to join him there in heaven. My last words to him as he was dying was not "Goodbye", I instead said "Luong, I'll see you again"

May God's peace and comfort be with you,


Rev. Joel T. Copple

I have also written to Luong's second wife, Luu Thi Tot and I am sending a copy of this letter to the cousin Tran Thi Tam in Canada and asked that she also mail a copy to you to make sure that this information arrives...

Questionnaire for QDP applicants

Date: January 6, 1985

A. Basic identification data

1. Name: TRẦN ĐỨY LƯƠNG
2. Other name: name
3. Date, place of birth: August 9, 1933, Hanoi
4. Residence address: 36/20 Nguyễn Cảnh Chân P. 2h, Q. 1
Hồ Chí Minh City, Viet Nam
5. Mailing address: - id -
6. Current occupation: Still under police control

B. Relatives to accompany me:

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. Nguyễn Thị BÌNH	Feb. 1, 1930	Haiphong	Female	M	Wife
2. Trần duy MINH	Jan. 19, 1959	Da nang	Male	S	Son
3. Trần duy PHƯƠNG	Sept. 9, 1958	Da nang	Male	S	Son
4. Trần duy QUANG	August 26, 1960	Hue	Male	S	Son
5. Trần duy LINH	Feb. 28, 1963	Saigon	Male	S	Son
6. Trần thi KIM CHÂM	Feb. 1h, 1969	Saigon	Female	S	Daughter
7. Trần thi KIM THOA	April 22, 1968	Saigon	Female	S	Daughter
8. Trần thi KIM DUNG	Jan. 20, 1971	Saigon	Female	S	Daughter

C. Relatives outside Vietnam: none

D. Complete family listing

Father: Trần duy PHƯƠNG dead
 Mother: Trần thi NGA dead
 Spouse: as noted in B above
 Children: - id -

E. Employment by US Government agencies or other US organizations of you or your spouse: none

F. Service with GVN or RVNAF by you or by your spouse.

1. Name of person serving: Trần duy LƯƠNG
2. Dates: From Nov. 1, 1953 to April 30, 1975
3. Last rank: Lieutenant colonel
4. Industry/Office/Military unit: National defense ministry, 3rd Corps, 46th Artillery Battalion.

5. Name of supervisor / co : Colonel Lê Văn TẤM (Corps Arty Cdr)
6. Reason for leaving : re-educated officer's difficulties of living
7. Name of American advisors :
a. Major TANIMOTO, advisory team by Artillery Command JGS, in 1968, when I was Chief of Staff of Arty Cdr / JGS, ARTHAF.
b. Major Leggs, in 1969 when I was 52nd Arty Bn Cdr, 5th Infantry division, 3rd Corps, ARTHAF.
8. US training courses in VN : PRAISE in April 1968
9. US awards or certificates : Army commendation medal, signed by General Weyand in 1970, when I was chief of Plan, Study and Operations branch of Arty Cdr / JGS.

G. Training outside Vietnam of you or your spouse

1. Name of student : Trần Duy LƯƠNG

2. School and school address :

US Army Artillery and Missile School, Fort Sill, Oklahoma - USA.

Air ground operations school - Eglin air base - Florida - USA.

3. Dates : a. Jan. 1962 to June 1962

b. Sept. 1965 to May 1966

4. Description of courses :

a. Field Arty officer orientation course. Motor transportation course. 1962

b. Field Artillery officer career course Sept. 1965

Air ground operations course April 1966

5. Who paid for training : US government.

H. Re-education of you or your spouse :

1. Name of person in re-education : TRẦN DUY LƯƠNG

2. Total time in re-education : 9 years & months 9 days.

3. Still in reeducation : no.

I. Any additional remarks : To complete the former data applied to your office by my son, Trần Duy LƯƠNG, on Feb. 1984.

Signature *Trần Duy LƯƠNG*
TRẦN DUY LƯƠNG

Date : January 1 : 1985

Attached : a copy of release certificate

BỘ NỘI VỤ
Trưởng Thủ Đức
Số 827. CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2363 ngày 27 tháng 11
năm 1972

1	2	3	4	5	6	7	8
Số							
GIẤY RA TRẠI							
CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH							
ĐA THỊNH DIỄN							
LÊ QUỐC PHÒNG							
HÀ NỘI - 1984							
LÊ QUỐC PHÒNG							

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 327 ngày 29 tháng 9 năm 1984
của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Trần Duy Lương** Sinh năm 1933

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Nam Định**

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt **36/20 Nguyễn Cảnh Chân, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**

Căn cội **Trung tá tiểu đoàn trưởng pháo binh**

Bị bắt ngày **30/4/1975** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **36/20 Nguyễn Cảnh Chân, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại Anh Lương đã có nhiều cố gắng trong
trong lao động học tập và chấp hành nội quy trại.

- Thời gian quản chế 12 tháng (Mười hai tháng)

- Tiền đí đường đã cấp từ trại i về đến gia đình.

Hưởng sự phái trình diện tại UBND Phường, xã: **Nơi cư trú**

Trước ngày **26 tháng 10 năm 1984**

Trần Duy Lương

Cán

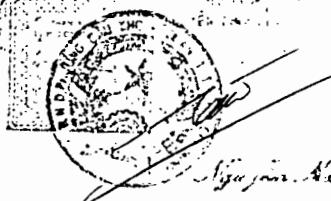
Danh bìa số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày **24** tháng **10** năm **1984**

Giám thị



Trần Duy Lương

HÔN THÚ BẬC NHẤT

Số hiệu 21

Người chồng : (Tên họ)	TRAN DUY LUONG
Nghề nghiệp :	QUAN NHAN
Sinh tại :	HA NOI
Sinh ngày :	7 tháng 8 năm 1933
Cư trú tại :	KBC 4451
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	TRAN DUY PHUNG (vang mat)
Mã tuổi :	55 tuổi
Nghề nghiệp :	BUON BAN
Cư trú tại :	BAC VIET
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	TRAN THI NGA (vang mat)
Mã tuổi :	53 tuổi
Nghề nghiệp :	BUON BAN
Cư trú tại :	BAC VIET
Chủ hôn bên trai:	TRAN DUY LUONG
(Tên họ)	
Mã tuổi :	26 tuổi
Nghề nghiệp :	QUAN NHAN
Cư trú tại :	KBC 4451
Người vợ : (Tên họ)	NGUYEN THI BINH
Vợ : (Chánh hay vợ thứ)	CHANH
Nghề nghiệp :	NOI-TRO
Sinh tại :	HAI-PHONG
Sinh ngày :	1 tháng 2 năm 1930
Cư trú tại :	64 TRUNG NU VUONG DA-NANG
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	NGUYEN HUY HOAN (chet)
Mã tuổi :	—
Nghề nghiệp :	—
Cư trú tại :	—

Là chúa để mà lược biển An
sứa giấy khai này lại hoặc để
biên các cước chủ khác.



Mẹ vợ : NGUYEN THI THIEU (chet)
(Tên họ, sống chết phải nói)

Mãy tuồi : -

Nghề nghiệp : -

Cư trú tại : -

Chủ hôn bên gái: NGUYEN THI BINH
(Tên họ)

Mãy tuồi : 29 tuoi

Nghề nghiệp : NOI TRO

Cư trú tại : 64 TRUNG NU VUONG DA-NANG

Người làm mai: -

(Tên họ)

Mãy tuồi : -

Nghề nghiệp : -

Cư trú tại : -

Ngày cưới : 1 tháng 8 năm 1959

Ngày khai : 3 tháng 8 năm 1959

Vợ chồng có khai nhận con tư
— Sanh làm con chánh thức
không?

K H O N G

Họ, Tên, tuồi, ngày sanh, nơi
sanh của mỗi con tư, sanh nhận
là con chánh thức:

Người chứng thứ nhất: NGUYEN THANH QUI
(Tên họ)

Mãy tuồi : 28 tuoi

Nghề nghiệp : QUAN NHAN

Cư trú tại : KBC 4451

Người chứng thứ nhì: LAM VAN TUNG
(Tên họ)

Mãy tuồi : 22 tuoi

Nghề nghiệp : QUAN NHAN

Cư trú tại : KBC 4451

Lập tại PHUOC NINH, ngày 3 tháng 8 năm 1959

Vợ chồng: Mai nhon, Cha mẹ hai bên,
Tran-Huynh-Nguyn-Trinh (Vợ chồng)
Tran-Huynh-Nguyen-Tung (Chet),
Nguyen-Thanh-Quy (Chet)

Hộ lợ.

Ng: VĂN - TUNG

Chú hôn, Nhận chứng,

Nguyen-Thanh-Quy
Lam-Van-Tung

Chứng nhận chữ ký của

Ủy viên Hộ-lai Phường

ngày tháng năm 19

CHU - TICH,

Ô. — Chỗ trống không dùng tài thi phải kín một nét mực